

Số: 44 /2017/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08/3/2016;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản 3398/STC-GCS ngày 25/9/2017; Báo cáo thẩm định số 297/BC-STP ngày 07/7/2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2017.

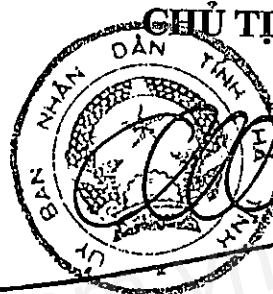
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Pháp chế, Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁; (20)
- Gửi: Điện tử.

CM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh

Hà Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2017

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện bình ổn giá, định giá; hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, kê khai giá; thẩm định giá, niêm yết giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;
- c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá.

Điều 2. Nội dung quản lý nhà nước về giá

1. Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật nhà nước về giá phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định Chính phủ, quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan.

3. Quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo Luật Giá và theo phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá của Chính phủ.

4. Điều chỉnh giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân theo Luật Giá và theo phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá của Chính phủ.

5. Tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Giá khi bên mua, bên bán không thỏa thuận được giá mua, giá bán.

6. Thực hiện đăng ký giá và kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

7. Tổ chức công tác thẩm định giá tài sản.

8. Kiểm tra yếu tố hình thành giá.

9. Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác có liên quan đến quản lý nhà nước về giá tại địa phương, xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

10. Tổ chức theo dõi thông tin và báo cáo tình hình giá cả thị trường.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Giá, cụ thể như sau:

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng, động cơ (không bao gồm xăng máy bay) dầu hòa, dầu diezen, dầu mazut.
2. Điện bán lẻ.
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
4. Phân đạm URE, phân NPK.
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ.
6. Vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.
7. Muối ăn.
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
9. Đường ăn, bao gồm: Đường trắng và đường tinh luyện.
10. Thóc, gạo tẻ thường.
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

Trường hợp thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá theo quy định của Luật Giá, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 6. Phân công trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

c) Báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan khác có liên quan

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành - lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công;

b) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá;

c) Chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá.

c) Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: Các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

Điều 7. Đăng ký giá

Trong thời gian nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại Điều 3 Quy định này, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành liên quan như sau:

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với toàn bộ hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Khoản 1, 2 Điều 3 Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo các tổ chức thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 3 Quy định này;

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo quy định.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa quy định tại Khoản 8 Điều 3 Quy định này;

b) Phối hợp với Sở Tài chính cung cấp và thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại Khoản 8 Điều 3 Quy định này.

c) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức đăng ký giá đối với khoản 8 Điều 3 Quy định này tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại Điểm a Khoản này.

3. Sở Y tế

a) Chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại Khoản 11 Điều 3 Quy định này.

b) Tham mưu UBND tỉnh và thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại Khoản 11 Điều 3 Quy định này.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại Điểm a Khoản này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11 Điều 3 Quy định này;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10 Điều 3 Quy định này;

c) Thông báo danh sách các cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này;

d) Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức theo dõi và báo cáo tình hình giá cả thị trường tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo quy định.

5. Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp và cung cấp danh sách các tổ chức trên địa bàn tỉnh đăng ký sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Điều 3 Quy định này về Sở Tài chính để tổng hợp, thông báo theo quy định.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh

Phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng chuyên trang, chuyên mục để thông báo các biện pháp, chính sách của nhà nước đối với công tác quản lý giá theo quy định.

7. Cục Hải quan tỉnh

Định kỳ hàng tháng khi có phát sinh và khi có yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thực hiện bình ổn giá, Cục Hải quan tỉnh có trách nhiệm gửi bản thống kê giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với các loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá theo Điều 3 Quy định này về Sở Tài chính tổng hợp báo cáo giá theo quy định.

8. Đối tượng thực hiện đăng ký giá bao gồm

a) Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền;

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố, thị xã theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, cụ thể:

1. Giá các loại đất.
2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.
3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.
4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.
5. Giá nước sạch sinh hoạt.
6. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.
7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
8. Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
9. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

10. Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

11. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

12. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá

Thực hiện theo Điều 20, 21 Luật Giá, cụ thể:

1. Nguyên tắc định giá của Nhà nước

a) Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ;

b) Kịp thời điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

2. Căn cứ, phương pháp định giá

a) Căn cứ định giá:

- Giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến;

- Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng;

- Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá.

b) Phương pháp định giá:

Thực hiện theo Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ. Nếu có quy định riêng về phương pháp định giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thực hiện theo các quy định đó.

Điều 10. Trình tự, thời hạn quyết định giá

1. Trình và thẩm định phương án giá

Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình, thẩm định và quyết định giá. Trường hợp các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh theo phân công trình phương án giá đề Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

Trường hợp thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá

a) Sở Tài chính thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1 Điều này phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định;

b) Kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của Sở Tài chính, đơn vị xây dựng phương án giá trình UBND tỉnh quyết định (Đối với quyết định về giá cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì phải có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp). Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa không quá 10 ngày làm việc;

c) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì Sở Tài chính thẩm định phương án giá hoặc UBND tỉnh quyết định giá phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

3. Hồ sơ phương án giá

Hồ sơ phương án giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Điều 11. Phân công trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

- Giá nước sạch sinh hoạt.

b) Thẩm định phương án giá của các sở, ngành, cơ quan và các đơn vị có liên quan lập xây dựng đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.

b) Sở Xây dựng:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;
- Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;
- Giá tối đa đối với: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Riêng việc xây dựng và thẩm định Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Giá đất cụ thể thực hiện thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

d) Sở Công Thương:

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng và dịch vụ trông giữ xe tại chợ hạng 1 được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng và dịch vụ trông giữ xe tại chợ hạng 1 được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

đ) Sở Giao thông Vận tải:

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;
- Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Xác định giá đất cụ thể khi có sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong phạm vi thời gian được ủy quyền.

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Chợ hạng 2, hạng 3); Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (tại chợ hạng 2, hạng 3; siêu thị; bệnh viện);

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (chợ hạng 2, chợ hạng 3), dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (tại chợ hạng 2, hạng 3; siêu thị; bệnh viện).

Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ngành chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 12. Điều chỉnh giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống phải kịp thời điều chỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã theo phân công trách nhiệm quy định tại Điều 11 Quy định này để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 13. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật Giá. Cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau cùng đề nghị hiệp thương thì hai bên cùng thống nhất đề nghị một trong hai Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính nơi bên bán đóng trụ sở chủ trì hiệp thương.

Điều 14. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính.

Điều 15. Kết quả hiệp thương giá

1. Cơ quan tổ chức hiệp thương giá thông báo bằng văn bản về mức giá được thỏa thuận cho các bên sau khi hiệp thương.

2. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá quyết định giá tạm thời để hai bên thi hành.

Quyết định giá tạm thời do cơ quan tổ chức hiệp thương công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo cơ quan tổ chức hiệp thương biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

Mục 4

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 16. Trường hợp Nhà nước thực hiện thẩm định giá

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản theo yêu cầu hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao, mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước, cụ thể như sau:

1. Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá tham gia, trừ trường hợp đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về danh mục bí mật nhà nước.

4. Mua tài sản nhà nước có giá trị lớn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, từng trường hợp cụ thể và xét thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 17. Phân công trách nhiệm thẩm định giá

1. Lãnh đạo Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 16 Quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 16 Quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

3. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là Chủ tịch Hội đồng.

4. Các thành viên khác của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điểm c và d Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

Mục 5

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 18. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 26 Luật Giá. Cụ thể là:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá;

b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

a) Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;

c) Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 19. Các biện pháp xử lý vi phạm

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện xử lý hành vi vi phạm theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

2. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, cơ quan kiểm tra chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Phân công trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 8 Quy định này và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 6

THANH TRA GIÁ

Điều 21. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.
3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.
4. Thanh tra Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định quản lý nhà nước về giá.

Mục 7

KÊ KHAI GIÁ

Điều 22. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền kê khai giá trên địa bàn tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP. Cụ thể là:

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.
2. Xi măng, thép xây dựng.
3. Than.
4. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.
6. Dịch vụ tại cảng biển.
7. Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.
8. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm.
9. Sách giáo khoa.

10. Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.

11. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

12. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.

13. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

14. Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG).

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này.

Điều 23. Phân công trách nhiệm thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh kê khai giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 3 và Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 Điều 22 Quy định này.

b) Chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ sau:

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10 Điều 3 Quy định này;

- Hàng hóa quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 14 Điều 22 Quy định này.

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm b khoản 1 Điều này.

d) Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 2 Điều này và tại Điểm a Khoản 3 điều này .

2. Sở Công Thương:

a) Chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ sau:

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 8 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa quy định tại Khoản 13 Điều 22 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính cung cấp và thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

c) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức kê khai giá tại điểm a khoản này của địa phương để gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo Điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

3. Sở Giao Thông vận tải

a) Chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với: Hàng hóa quy định tại Khoản 7, 10, 12 Điều 22 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính cung cấp và thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

c) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức kê khai giá tại điểm a khoản này của địa phương để gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a, Khoản 3 Điều này.

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

4. Sở Y tế:

a) Chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11 Điều 22 Quy định này.

b) Tham mưu UBND tỉnh và thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh:

Phối hợp và cung cấp danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đăng ký sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá về Sở Tài chính để tổng hợp, thông báo theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3; các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Điều 22 Quy định này.

b) Thông báo danh sách các cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá trên địa bàn theo phân công tại Điểm a Khoản 6 Điều này.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

7. Đối tượng thực hiện kê khai giá bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

Mục 8

NIÊM YẾT GIÁ

Điều 24. Nguyên tắc, địa điểm, cách thức thực hiện niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện niêm yết giá công khai rõ ràng, minh bạch, phải bán đúng giá niêm yết, ghi chép chứng từ, hóa đơn và hạch toán kế toán đúng giá bán đã niêm yết. Nghiêm cấm mọi trường hợp bán sai giá đã niêm yết hoặc thay đổi các điều kiện gắn với mức giá đã niêm yết để gian lận về giá nhằm thu lợi bất chính.

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết đúng theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 25. Phân công trách nhiệm

1. Cục Thuế tỉnh kiểm tra việc ghi giá trên hóa đơn, chứng từ và hạch toán kế toán đúng giá bán đã niêm yết.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá cả thị trường, chống gian lận trong kinh doanh, thực hiện bình ổn giá,...; kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, lợi dụng tình hình thiên tai, dịch bệnh, khan hiếm hàng hóa, sự biến động của thị trường để tăng giá, ép giá bất hợp lý.

3. Giao UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với quản lý thị trường trên địa bàn để kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

Mục 9

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 26. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm phối hợp xây dựng và công bố cơ sở dữ liệu về giá trong lĩnh vực ngành, địa phương quản lý trên trang thông tin điện tử của từng cơ quan, đơn vị.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Điều khoản thi hành

Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 233/2016/TT-BTC, Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Thông tư số 38/2014/TT-BTC và Thông tư số 31/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

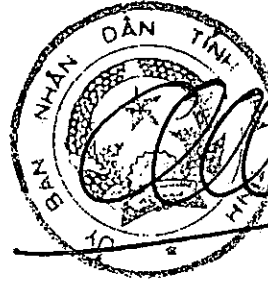
Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật Giá và các quy định tại quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh